

Số: /2025/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định một số nội dung quản lý, triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tại tỉnh Ninh Thuận

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 ngày 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BKHCN ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý “Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học, công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 710/TTr-SKHCN ngày 21 tháng 4 năm 2025 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1133/BC-STP ngày 18 tháng 4 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định một số nội dung quản lý, triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tại tỉnh Ninh Thuận.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định một số nội dung quản lý, triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tại tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận có sử dụng ngân sách nhà nước.

**Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ quyết định một số nội dung thực hiện quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Tổ chức xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước:

a) Tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN).

b) Tổ chức rà soát, tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN thành danh mục theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

c) Tra cứu thông tin các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh có liên quan đến đề xuất đặt hàng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

d) Thông báo công khai danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng để tuyển chọn tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

2. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Thông báo công khai danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

b) Thông báo tuyển chọn lần 2 trong các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

c) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

d) Tổ chức mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đối với các hồ sơ không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân

tham gia tuyển chọn theo quy định tại điểm a, đ khoản 4 Điều 12 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

e) Phân công đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ làm Tổ trưởng Tổ thẩm định kinh phí theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

f) Xem xét, thông báo kết quả tuyển chọn sau khi có kết quả họp Hội đồng tuyển chọn và có trách nhiệm tiếp nhận thuyết minh nhiệm vụ hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng tuyển chọn để tổ chức thẩm định kinh phí. Đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ là tổ trưởng Tổ thẩm định kinh phí theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 14 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

Tiếp nhận hồ sơ nhiệm vụ đã hoàn thiện của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ theo kết luận của Tổ thẩm định kinh phí và báo cáo tiếp thu, giải trình kết luận của Tổ thẩm định kinh phí và có xác nhận của chủ trì phiên họp thẩm định kinh phí theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

g) Có trách nhiệm lưu giữ và quản lý hồ sơ (kể cả hồ sơ không trúng tuyển) theo quy định sau khi kết thúc quá trình tuyển chọn theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

h) Thực hiện công bố công khai thông tin về kết quả tuyển chọn nhiệm vụ theo quy định (trừ các nhiệm vụ có nội dung chứa bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định) sau khi có quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, thuyết minh, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

i) Đối với nhiệm vụ chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ: Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định hủy kết quả tuyển chọn nhiệm vụ trong các trường hợp theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 18 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN hoặc tổ chức chủ trì không thực hiện quy định tại khoản 6 Điều 14 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

k) Thông báo tới tổ chức chủ trì về việc hủy kết quả tuyển chọn hoặc hủy quyết định phê duyệt tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp có quyết định hủy kết quả tuyển chọn hoặc hủy quyết định phê duyệt tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

l) Phê duyệt thuyết minh theo mẫu quy định và ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ” theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

3. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước theo yêu cầu của công tác quản lý hoặc theo đề nghị của tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

b) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra, quy định số lượng thành viên và thành phần tham gia đoàn kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

c) Xác nhận khối lượng công việc, kinh phí thực hiện của nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

d) Xem xét, quyết định việc thay đổi các nội dung sau: Tên nhiệm vụ, mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ; việc mua sắm thiết bị, máy móc, nguyên liệu, vật liệu; Kinh phí thực hiện nhiệm vụ; Thời gian thực hiện nhiệm vụ, theo quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 21 của Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

đ) Xem xét, quyết định việc thay đổi Tổ chức chủ trì nhiệm vụ; Thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ; thay đổi dự toán kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, theo quy định tại các điểm d, đ khoản 3 và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

e) Xem xét, ra thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ khi nhận được văn bản đề nghị chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; Tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trường; Xem xét, quyết định chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến tư vấn của hội đồng hoặc tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trước khi xem xét, quyết định theo quy định tại điểm 2, 3 và 4 Điều 22 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

4. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Tiếp nhận hồ sơ đánh giá, nghiệm thu; Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đánh giá, nghiệm thu; Xác nhận tình trạng hồ sơ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 24 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

Đối với các hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản để tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời gian 15 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức chủ trì phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ phải thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia phải được gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ trước phiên họp Hội đồng nghiệm thu ít nhất 01 ngày làm việc để phục vụ cho phiên họp của Hội đồng nghiệm thu.

b) Tiếp nhận báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt đã hoàn thiện, các sản phẩm, các tài liệu liên quan theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu đối với trường hợp kết quả nhiệm vụ được đánh giá xếp loại ở mức “Đạt” trở lên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

c) Đối với nhiệm vụ xếp loại ở mức “Không đạt”: Phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC đối với nhiệm vụ không hoàn thành theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

d) Trong trường hợp cần thiết, tổ chức lấy ý kiến tổ chức hoặc chuyên gia tư vấn độc lập về kết quả đánh giá, nghiệm thu theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

### **Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Tổ thẩm định kinh phí giúp việc cho Hội đồng tuyển chọn; Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Tổ chuyên gia theo quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 13 và khoản 1, khoản 2 Điều 25 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

Thành phần Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 13, khoản 1 Điều 25 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

2. Quyết định Thành lập Tổ chuyên gia kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức chủ trì, cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ trước khi họp Tổ thẩm định kinh phí đối với dự án khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm và nhiệm vụ có tính phức tạp theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

3. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức lấy ý kiến của Chuyên gia tư vấn độc lập về hồ sơ nhiệm vụ trước khi trình phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16.

4. Xem xét, quyết định việc thay đổi các nội dung không theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

5. Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến khi có Quyết định khác thay thế.

### **Điều 4. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

2. Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư số 09/2024/TT-BKHHCN.

3. Xem xét, hủy quyết định phê duyệt tổ chức và cá nhân thực hiện đối với nhiệm vụ đã được phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện trong các trường hợp theo quy định tại khoản 1 điều 18 của Thông tư 09/2024/TT-BKHHCN.

4. Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến khi có Quyết định khác thay thế.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025 và thay thế Quyết định số 105/2014/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận có sử dụng ngân sách nhà nước và Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 105/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được thông qua các Hội đồng (bao gồm Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm) trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì quy trình, thủ tục trình phê duyệt thực hiện theo quy định tại Quyết định số 105/2014/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận có sử dụng ngân sách nhà nước và Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 105/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

4. Các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học, công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học, công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận:

a) Đối với nhiệm vụ hàng năm, định kỳ (tại điểm a, b khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2; Điều 3): Trình tự hồ sơ, thủ tục, đăng ký, xác định danh mục nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí, tiếp tục áp dụng theo quy định của Thông tư số 01/2018/TT-BKHHCN ngày 12/4/2018 của Bộ trưởng Bộ

Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý “Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” và các quy định thay thế (nếu có).

b) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (tại khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 2): Thực hiện theo các quy định đối với nhiệm vụ khoa học tại Thông tư số 09/2024/TT-BKHHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định tại Quyết định này.

5. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV; Công báo;
- Lưu: VT. NĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Long Biên**